

Bản án số: 36/2026/DS-PT

Ngày: 23 - 4 - 2026

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Tuấn Quốc.

Bà Mạc Thị Chiên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thẩm tra viên chính của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Trung Nam – Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2026/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về “Ly hôn và Tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 62/2025/HNGĐ-ST, ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 14 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 358/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp K, xã C, thành phố Cần Thơ, CCCD: 092192011203, do Cục Q về trật tự xã hội cấp ngày 08/08/2021 (có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Đinh Công T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp K, xã C, thành phố Cần Thơ, CCCD: 092090003466, do Cục Q về trật tự xã hội cấp ngày 08/7/2022 (có mặt).

*Người kháng cáo:* Bị đơn Đinh Công T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh D trình bày:* Bà và ông Đinh Công T tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật năm 2010. Thời gian đầu vợ chồng sống cũng khá hạnh phúc nhưng sau này

phát sinh mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, khi nhậu xong về chửi mắng vợ con và đuổi mẹ con bà ra khỏi nhà nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2025 đến nay. Nhận thấy, đời sống chung không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông Đinh Công T; Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là cháu Đinh Công D1 (nam), sinh ngày 18/04/2010 và Đinh Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 22/6/2020. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi hai cháu, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Có căn nhà, đất và 02 chiếc xe, vợ chồng tự thỏa thuận chưa yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn ông Đinh Công T trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà D về quá trình dẫn đến kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng có mâu thuẫn về tiền bạc nên cự cãi, ông cũng có nhậu nhẹt, có chửi mắng vợ con, ông hứa sẽ sửa đổi mong vợ ông cho cơ hội hàn gắn, vì ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn; Về con chung: Ông và bà D có 02 con chung tên Đinh Công D1 (nam), sinh ngày 18/04/2010 và Đinh Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 22/6/2020. Nếu tòa án giải quyết ly hôn ông yêu cầu nuôi cháu N, đồng ý để cháu D1 cho vợ nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Có căn nhà, đất và 02 chiếc xe. Ông cũng đồng ý tự thỏa thuận chưa yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Tại bản án số 62/2026/HNGĐ-ST ngày 19/12/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 14 - Cần Thơ, đã quyết định như sau:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh D đối với bị đơn ông Đinh Công T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thanh D được ly hôn với ông Đinh Công T.

- *Về con chung:* Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đinh Công T giao con chung Đinh Công D1 (nam), sinh ngày 18/4/2010 cho bà Nguyễn Thị Thanh D tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung Đinh Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 22/6/2020 cho bà

Nguyễn Thị Thanh D tiếp tục nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đinh Công T không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà D chưa yêu cầu nên ông T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chưa xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 31/12/2025 bị đơn ông Nguyễn Công T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 62/2025/HNGĐ-ST, ngày 19/12/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Khu vực 14 - Cần Thơ đề nghị hủy án để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, hòa hợp chăm lo cuộc sống gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ trình bày: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm. Về nội dung giải quyết vụ án kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự Sgữi nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 14- cần T2.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Thanh D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đinh Công T; yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T không đồng ý theo yêu cầu ly hôn của bà D vì ông cho rằng ông còn thương vợ con muốn gìn giữ tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D cho bà D

được ly hôn với ông T và giao hai con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Không đồng ý với quyết định trên nên ông T đã kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T3 yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để vợ chồng ông có cơ hội hàn gắn tình cảm, hòa hợp chăm lo cuộc sống gia đình. Bà D không đồng ý theo yêu cầu của ông T3 vì bà cho rằng bà đã tạo điều kiện cho ông T3 nhiều lần để sửa đổi nhưng ông T3 không sửa đổi nên bà yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét thấy, bà D và ông T3 kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa D và ông T3 là hợp pháp. Tuy nhiên, sau thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bà D cho rằng ông T3 thường xuyên nhậu nhẹt và mắng chửi vợ con. Ông T3 cũng thừa nhận vợ chồng có cự cãi, ông có nhậu nhẹt trong lúc nóng giận cũng có mắng chửi vợ con nhưng ông hứa sẽ sửa đổi vì ông còn thương vợ con nên không muốn ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải động viên bà D, ông T3 đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng để về chung sống vun đắp hạnh phúc gia đình và chăm lo cho các con nhưng bà D không đồng ý và đến thời điểm hiện nay vợ chồng cũng không tìm được biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, vì bà D vẫn cương quyết ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung. Do quan hệ hôn nhân không thể bắt nguồn từ một phía, mà phải có sự đồng cảm và thống nhất của cả vợ và chồng nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông T3 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ông T3 kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh quan hệ vợ chồng của ông có thể đoàn tụ với nhau nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về phần con chung: Bà D có yêu cầu nuôi hai con chung là cháu Đinh Công D1 (nam), sinh ngày 18/04/2010 và Đinh Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 22/6/2020. Ông T3 không đồng ý và cho rằng nếu ly hôn thì ông có nguyện vọng được nuôi cháu N, đồng ý giao cháu D1 cho bà D nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay hai cháu đang sống cùng bà D và bà D cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi các cháu, đồng thời nguyện vọng của cháu D1 cũng muốn sống cùng mẹ. Đồng thời, cháu N là con gái, có sự phát triển về tâm sinh lý, tuổi dậy thì rất phức tạp nên cần mẹ hỗ trợ trong cuộc sống để phát triển toàn diện và để tránh xáo trộn tâm lý của các cháu cấp sơ thẩm đã giao các cháu cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng và dành quyền thăm nom chăm sóc con chung cho ông Đinh Công T không ai được quyền cản trở là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5] Ông T kháng cáo kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm nhưng bà D không đồng ý rút đơn và như đã phân tích trên thì không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T và ông T cũng không cung cấp được lý do nào khác để làm căn cứ hủy bản án nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[6] Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 62/2025/HNGĐ-ST ngày 19/12/2025 của Tòa án nhân Khu vực 14 - Cần Thơ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Thanh D. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 62/2025/HNGĐ-ST ngày 19/12/2025 của Tòa án nhân Khu vực 14 – Cần Thơ, như sau:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh D đối với bị đơn Đinh Công T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thanh D được ly hôn với ông Đinh Công T.

- *Về con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đinh Công T giao con chung Đinh Công D1 (nam), sinh ngày 18/4/2010 cho bà Nguyễn Thị Thanh D tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung Đinh Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 22/6/2020 cho bà Nguyễn Thị Thanh D tiếp tục nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đinh Công T không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà D chưa yêu cầu nên ông T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chưa xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

- *Về nợ chung*: Không có.

2. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình bà Nguyễn Thị Thanh D phải chịu là 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai số 0005686, ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí hôn nhân và gia đình. Bà D đã nộp xong.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đinh Công T phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000389, ngày 08/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 14 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu TDS, HSYVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Tôn Thị Thanh Thúy**